

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 25 – 01 – 2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Đang, sinh năm 1992; Cư trú tại: Ấp TĐB, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh, sinh năm 1979; Cư trú tại: Ấp TĐB, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Võ Thị Đ trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Đ chung sống với anh M vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/5/2011. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm sống và cãi nhau, mặc dù gia đình thân tộc hai bên đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng vẫn không đoàn tụ được, hiện tại vợ chồng đã ly thân 04 năm. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, mỗi người đều có cuộc sống riêng và

không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lê Ngọc H, sinh ngày 23/10/2013 và Lê Nhã T, sinh ngày 02/02/2012. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với anh Lê M:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh M biết về yêu cầu khởi kiện của chị Đ nhưng anh M không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị Đ ly hôn với anh M. Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Ngọc H và Lê Nhã T cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Võ Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê M đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tại kết quả xác minh ngày 16/12/2020 của Công an xã TAK thể hiện: Anh M có hộ khẩu tại ấp TĐB, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau và hiện nay vẫn còn sinh sống tại địa phương, quá trình Văn phòng thừa phát lại Cà Mau tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh M đều hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Đ và anh M chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, chị Đ xác định do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, không có khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Anh M không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị Đ nên đủ căn cứ xác định rằng anh không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị Đ và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị Đ được ly hôn với anh M là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi dưỡng các con của chị Đ thấy rằng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Hai con của anh chị đều là nữ nên cần có mẹ chăm sóc là phù hợp sự phát triển của con, đồng thời anh M cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con của chị Đ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Ngọc H và Nhã T cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật, phù hợp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị Đ xác định không có, anh M không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là đúng quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 và khoản 3 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Đ.

1.1 Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Đ được ly hôn anh Lê M.

1.2. Về con chung: Giao Lê Ngọc H, sinh ngày 23/10/2013 và Lê Nhã T, sinh ngày 02/02/2012 cho chị Võ Thị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011069 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Ủy ban nhân dân xã TAK;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Trúc**